**Lab 1: Basic HTML**

[1.1. HTML Elements 2](#_Toc270532695)

[1.1.1. HTML Elements 2](#_Toc270532696)

[1.1.2. HTML Element Syntax 2](#_Toc270532697)

[1.1.3. Nested HTML Elements 2](#_Toc270532698)

[1.1.4. HTML Document Example 2](#_Toc270532699)

[1.2. HTML Basic 2](#_Toc270532700)

[1.2.1. HTML Headings 2](#_Toc270532701)

[1.2.2. HTML Paragraphs 3](#_Toc270532702)

[1.2.3. HTML Links 4](#_Toc270532703)

[1.2.4. HTML Images 4](#_Toc270532704)

[1.3. HTML Attributes 4](#_Toc270532705)

[1.3.1. HTML Attributes 4](#_Toc270532706)

[1.3.2. Always Quote Attribute Values 4](#_Toc270532707)

[1.3.3. HTML Tip: Use Lowercase Attributes 5](#_Toc270532708)

[1.4. HTML Links 5](#_Toc270532709)

[1.4.1. Hyperlinks, Anchors, and Links 5](#_Toc270532710)

[1.4.2. An HTML Link 5](#_Toc270532711)

[1.4.3. The href Attribute 5](#_Toc270532712)

[1.4.4. The target Attribute 6](#_Toc270532713)

[1.4.5. The name Attribute 6](#_Toc270532714)

[1.5. HTML Tables 6](#_Toc270532715)

[1.5.1. Tables 6](#_Toc270532716)

[1.5.2. Tables and the Border Attribute 7](#_Toc270532717)

[1.5.3. Headings in a Table 7](#_Toc270532718)

[1.5.4. Empty Cells in a Table 7](#_Toc270532719)

[1.6. HTML Styles 8](#_Toc270532720)

[1.6.1. The HTML Style Attribute 8](#_Toc270532721)

[1.6.2. HTML Style Examples 9](#_Toc270532722)

[1.6.3. Deprecated Tags and Attributes 9](#_Toc270532723)

[1.7. HTML Lists 9](#_Toc270532724)

[1.7.1. Unordered Lists 9](#_Toc270532725)

[1.7.2. Ordered Lists 10](#_Toc270532726)

[1.7.3. Definition Lists 10](#_Toc270532727)

[1.8. HTML Text Formatting 11](#_Toc270532728)

[1.8.1. HTML Formatting Tags 11](#_Toc270532729)

[1.8.2. Text Formatting Tags 11](#_Toc270532730)

[1.8.3. Citations, Quotations, and Definition Tags 11](#_Toc270532731)

[1.9. Exercises 12](#_Toc270532732)

[REFERENCES 14](#_Toc270532733)

## 1.1. HTML Elements

### Ví dụ:

|  |
| --- |
| <html>  <body> <p>This is my first paragraph</p> </body>  </html> |

## Ví dụ trên chứa 3 phần tử HTML.

## 1.2. HTML Basic

### 1.2.1. HTML Headings

Các tiêu đề HTML được xác định bằng các thẻ <h1> đến <h6>.

|  |  |
| --- | --- |
| Example   |  | | --- | |  |   <h1>This is a heading</h1> <h2>This is a heading</h2> <h3>This is a heading</h3> . |

\* HTML Rules (Lines)

Thẻ <hr /> được sử dụng để tạo quy tắc ngang (dòng).

|  |  |
| --- | --- |
| Example   |  | | --- | | <p>This is a paragraph</p> <hr /> <p>This is a paragraph</p> <hr /> <p>This is a paragraph</p>  <p>This is a paragraph</p> | |

\* HTML Comments

### Các chú thích có thể được chèn vào mã HTML để làm cho nó dễ đọc và dễ hiểu hơn. Nhận xét bị bỏ qua bởi trình duyệt và không được hiển thị.

### Nhận xét được viết như thế này:

### Thí dụ

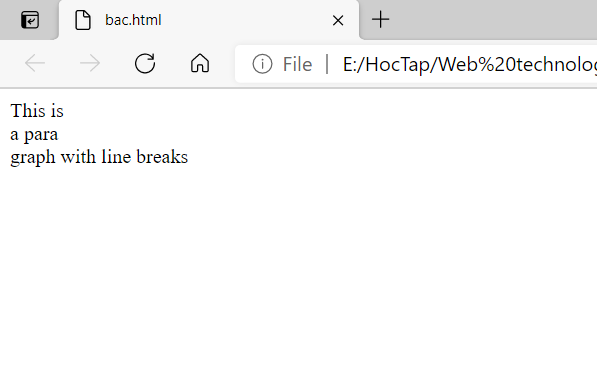
### <! - Đây là một nhận xét ->

### 1.2.2. HTML Paragraphs

Các đoạn HTML được xác định bằng thẻ <p>.

|  |  |
| --- | --- |
| Example   |  | | --- | | <p>This is a paragraph</p> <p>This is another paragraph</p> | |

\* HTML Line Breaks

Sử dụng thẻ <br /> nếu bạn muốn ngắt dòng (một dòng mới) mà không bắt đầu một đoạn mới:

|  |  |
| --- | --- |
| Example   |  | | --- | | <p>This is<br />a para<br />graph with line breaks</p> | |
| Phần tử <br /> là một phần tử HTML trống. Nó không có thẻ kết thúc. |
|  |

### 1.2.3. HTML Links

Các liên kết HTML được xác định bằng thẻ <a>.

|  |  |
| --- | --- |
| Example   |  | | --- | | <a href="http://www.w3schools.com">This is a link</a> | |

### 1.2.4. HTML Images

Hình ảnh HTML được xác định bằng thẻ <img>.

|  |  |
| --- | --- |
| Example   |  | | --- | | <img src="w3schools.jpg" width="104" height="142" /> | |

## 1.3. HTML Attributes

### 1.3.1. HTML Attributes

• Các phần tử HTML có thể có các thuộc tính

• Các thuộc tính cung cấp thông tin bổ sung về phần tử

• Các thuộc tính luôn được chỉ định trong thẻ bắt đầu

• Các thuộc tính có trong các cặp tên / giá trị như: name = "value"

Attribute Example

Các liên kết HTML được xác định bằng thẻ <a>. Địa chỉ liên kết được cung cấp dưới dạng thuộc tính:

|  |  |
| --- | --- |
| Example   |  | | --- | | <a href="http://www.w3schools.com">This is a link</a> | |

## 1.4. HTML Links

### 1.4.1. An HTML Link

Link syntax:

|  |
| --- |
| <a href="url">Link text</a> |

### Thẻ bắt đầu chứa các thuộc tính về liên kết.

### 1.4.2. The href Attribute

### Thuộc tính href xác định "địa chỉ" liên kết.

### Phần tử <a> này xác định liên kết đến W3Schools:

### <a href="http://www.w3schools.com/"> Visit W3Schools! </a>

Đoạn mã trên sẽ hiển thị như thế này trong trình duyệt:

[Visit W3Schools!](http://www.w3schools.com/)

### 1.4.3. The target Attribute

Thuộc tính đích xác định nơi tài liệu được liên kết sẽ được mở.

Đoạn mã dưới đây sẽ mở tài liệu trong một cửa sổ trình duyệt mới:

|  |  |
| --- | --- |
| Example   |  | | --- | | <a href="http://www.w3schools.com/" target="\_blank">Visit W3Schools!</a> | |

## 1.5. HTML Tables

### 1.5.1. Tables

Các bảng được định nghĩa bằng thẻ <table>. Một bảng được chia thành các hàng (với thẻ <tr>) và mỗi hàng được chia thành các ô dữ liệu (với thẻ <td>). Các chữ cái td là viết tắt của "dữ liệu bảng", là nội dung của một ô dữ liệu. Một ô dữ liệu có thể chứa văn bản, hình ảnh, danh sách, đoạn văn, biểu mẫu, quy tắc ngang, bảng, v.v.

|  |
| --- |
| <table border="1"> <tr> <td>row 1, cell 1</td> <td>row 1, cell 2</td> </tr> <tr> <td>row 2, cell 1</td> <td>row 2, cell 2</td> </tr> </table> |

Nó trông như thế nào trong trình duyệt:

|  |  |
| --- | --- |
| row 1, cell 1 | row 1, cell 2 |
| row 2, cell 1 | row 2, cell 2 |

### 1.5.2. Tables and the Border Attribute

Nếu bạn không chỉ định thuộc tính đường viền, bảng sẽ được hiển thị mà không có bất kỳ đường viền nào. Đôi khi điều này có thể hữu ích, nhưng hầu hết thời gian, bạn muốn các đường viền hiển thị.

Để hiển thị bảng có đường viền, bạn sẽ phải sử dụng thuộc tính đường viền:

|  |
| --- |
| <table border="1"> <tr> <td>Row 1, cell 1</td> <td>Row 1, cell 2</td> </tr> </table> |

### 1.5.3. Headings in a Table

Các tiêu đề trong bảng được xác định bằng thẻ <th>.

|  |
| --- |
| <table border="1"> <tr> <th>Heading</th> <th>Another Heading</th> </tr> <tr> <td>row 1, cell 1</td> <td>row 1, cell 2</td> </tr> <tr> <td>row 2, cell 1</td> <td>row 2, cell 2</td> </tr> </table> |

|  |  |
| --- | --- |
| **Heading** | **Another Heading** |
| row 1, cell 1 | row 1, cell 2 |
| row 2, cell 1 | row 2, cell 2 |

### 1.5.4. Empty Cells in a Table

Các ô của bảng không có nội dung không được hiển thị rất tốt trong hầu hết các trình duyệt.

|  |
| --- |
| <table border="1"> <tr> <td>row 1, cell 1</td> <td>row 1, cell 2</td> </tr> <tr> <td>row 2, cell 1</td> <td></td> </tr> </table> |

|  |  |
| --- | --- |
| row 1, cell 1 | row 1, cell 2 |
| row 2, cell 1 |  |

Lưu ý rằng các đường viền xung quanh ô trống trong bảng bị thiếu (NB! Mozilla Firefox hiển thị đường viền).

Để tránh điều này, hãy thêm khoảng trắng không ngắt (& nbsp;) vào các ô dữ liệu trống, để hiển thị các đường viền:

|  |
| --- |
| <table border="1"> <tr> <td>row 1, cell 1</td> <td>row 1, cell 2</td> </tr> <tr> <td>row 2, cell 1</td> <td>&nbsp;</td> </tr> </table> |

|  |  |
| --- | --- |
| row 1, cell 1 | row 1, cell 2 |
| row 2, cell 1 |  |

## 1.6. HTML Styles

### 1.6.1. The HTML Style Attribute

### Mục đích của thuộc tính style là:

### Để cung cấp một cách chung để tạo kiểu cho tất cả các phần tử HTML.

### Kiểu đã được giới thiệu với HTML 4, là cách mới và được ưa thích để tạo kiểu cho các phần tử HTML. Với các kiểu HTML, các kiểu có thể được thêm trực tiếp vào các phần tử HTML bằng cách sử dụng thuộc tính style hoặc gián tiếp bằng các style sheet riêng biệt (tệp CSS).

### Bạn có thể tìm hiểu mọi thứ về kiểu và CSS trong hướng dẫn CSS của chúng tôi.

### 1.6.2. HTML Style Examples

|  |
| --- |
| <html>  <body style="background-color:PowderBlue;">  <h1>Look! Styles and colors</h1>  <p style="font-family:verdana;color:red">  This text is in Verdana and red</p>  <p style="font-family:times;color:green">  This text is in Times and green</p>  <p style="font-size:30px">This text is 30 pixels high</p>  </body>  </html> |

## 1.7. HTML Lists

### 1.7.1. Unordered Lists

Một danh sách không có thứ tự là một danh sách các mục. Các mục trong danh sách được đánh dấu bằng dấu đầu dòng (thường là các vòng tròn nhỏ màu đen).

Một danh sách không có thứ tự bắt đầu bằng thẻ <ul>. Mỗi mục danh sách bắt đầu bằng thẻ <li>.

|  |
| --- |
| <ul> <li>Coffee</li> <li>Milk</li> </ul> |

Đây là cách nó trông như thế nào trong trình duyệt:

* Coffee
* Milk

### Bên trong một mục danh sách, bạn có thể đặt các đoạn văn, ngắt dòng, hình ảnh, liên kết, các danh sách khác, v.v.

### 1.7.2. Ordered Lists

Một danh sách có thứ tự cũng là một danh sách các mặt hàng. Các mục danh sách được đánh dấu bằng số.

Một danh sách có thứ tự bắt đầu bằng thẻ <ol>. Mỗi mục danh sách bắt đầu bằng thẻ <li>.

|  |
| --- |
| <ol> <li>Coffee</li> <li>Milk</li> </ol> |

Đây là cách nó trông như thế nào trong trình duyệt:

1. Coffee
2. Milk

### Bên trong một mục danh sách, bạn có thể đặt các đoạn văn, ngắt dòng, hình ảnh, liên kết, các danh sách khác, v.v.

### 1.7.3. Definition Lists

Danh sách định nghĩa không phải là danh sách các mục đơn lẻ. Nó là một danh sách các mục (điều khoản), với mô tả của từng mục (thuật ngữ).

Danh sách định nghĩa bắt đầu bằng thẻ <dl> (danh sách định nghĩa).

Mỗi thuật ngữ bắt đầu bằng thẻ <dt> (thuật ngữ định nghĩa).

Mỗi mô tả bắt đầu bằng thẻ <dd> (mô tả định nghĩa).

|  |
| --- |
| <dl> <dt>Coffee</dt> <dd>Black hot drink</dd> <dt>Milk</dt> <dd>White cold drink</dd> </dl> |

Đây là cách nó trông như thế nào trong trình duyệt:

Coffee

Black hot drink

Milk

White cold drink

## Bên trong thẻ <dd>, bạn có thể đặt các đoạn văn, ngắt dòng, hình ảnh, liên kết, danh sách khác, v.v. 1.8. HTML Text Formatting

### 1.8.1. HTML Formatting Tags

### HTML sử dụng các thẻ như <b> và <i> để định dạng đầu ra, như văn bản in đậm hoặc nghiêng.

### Các thẻ HTML này được gọi là thẻ định dạng.

### 1.8.2. Text Formatting Tags

|  |  |
| --- | --- |
| **Tag** | **Description** |
| [<b>](http://www.w3schools.com/tags/tag_font_style.asp) | Defines bold text |
| [<big>](http://www.w3schools.com/tags/tag_font_style.asp) | Defines big text |
| [<em>](http://www.w3schools.com/tags/tag_phrase_elements.asp) | Defines emphasized text |
| [<i>](http://www.w3schools.com/tags/tag_font_style.asp) | Defines italic text |
| [<small>](http://www.w3schools.com/tags/tag_font_style.asp) | Defines small text |
| [<strong>](http://www.w3schools.com/tags/tag_phrase_elements.asp) | Defines strong text |
| [<sub>](http://www.w3schools.com/tags/tag_sup.asp) | Defines subscripted text |
| [<sup>](http://www.w3schools.com/tags/tag_sup.asp) | Defines superscripted text |
| [<ins>](http://www.w3schools.com/tags/tag_ins.asp) | Defines inserted text |
| [<del>](http://www.w3schools.com/tags/tag_del.asp) | Defines deleted text |
| [<s>](http://www.w3schools.com/tags/tag_strike.asp) | Deprecated. Use <del> instead |
| [<strike>](http://www.w3schools.com/tags/tag_strike.asp) | Deprecated. Use <del> instead |
| [<u>](http://www.w3schools.com/tags/tag_u.asp) | Deprecated. Use styles instead |

### 1.8.3. Citations, Quotations, and Definition Tags

|  |  |
| --- | --- |
| **Tag** | **Description** |
| [<abbr>](http://www.w3schools.com/tags/tag_abbr.asp) | Defines an abbreviation |
| [<acronym>](http://www.w3schools.com/tags/tag_acronym.asp) | Defines an acronym |
| [<address>](http://www.w3schools.com/tags/tag_address.asp) | Defines an address element |
| [<bdo>](http://www.w3schools.com/tags/tag_bdo.asp) | Defines the text direction |
| [<blockquote>](http://www.w3schools.com/tags/tag_blockquote.asp) | Defines a long quotation |
| [<q>](http://www.w3schools.com/tags/tag_q.asp) | Defines a short quotation |
| [<cite>](http://www.w3schools.com/tags/tag_phrase_elements.asp) | Defines a citation |
| [<dfn>](http://www.w3schools.com/tags/tag_phrase_elements.asp) | Defines a definition term |

\* HTML <q> Tag

Thẻ <q> xác định một trích dẫn ngắn.

Trình duyệt sẽ chèn dấu ngoặc kép xung quanh dấu ngoặc kép.

Một trích dẫn ngắn được đánh dấu như sau:

<q>

Đây là một báo giá ngắn đây là một báo giá ngắn

</q>

\* HTML <blockquote> Tag

## Thẻ <blockquote> xác định một dấu ngoặc kép dài.

## Trình duyệt chèn khoảng trắng trước và sau phần tử blockquote. Nó cũng chèn lề cho phần tử blockquote.

## Một trích dẫn dài được đánh dấu như sau:

## <blockquote>

## Đây là một bảng báo giá dài đây là một bảng báo giá dài đây là một bảng báo giá dài đây là một bảng báo giá dài đây là một bảng báo giá dài đây là một bảng báo giá dài đây là một bảng báo giá dài đây là một bảng báo giá dài đây là một bảng báo giá dài.

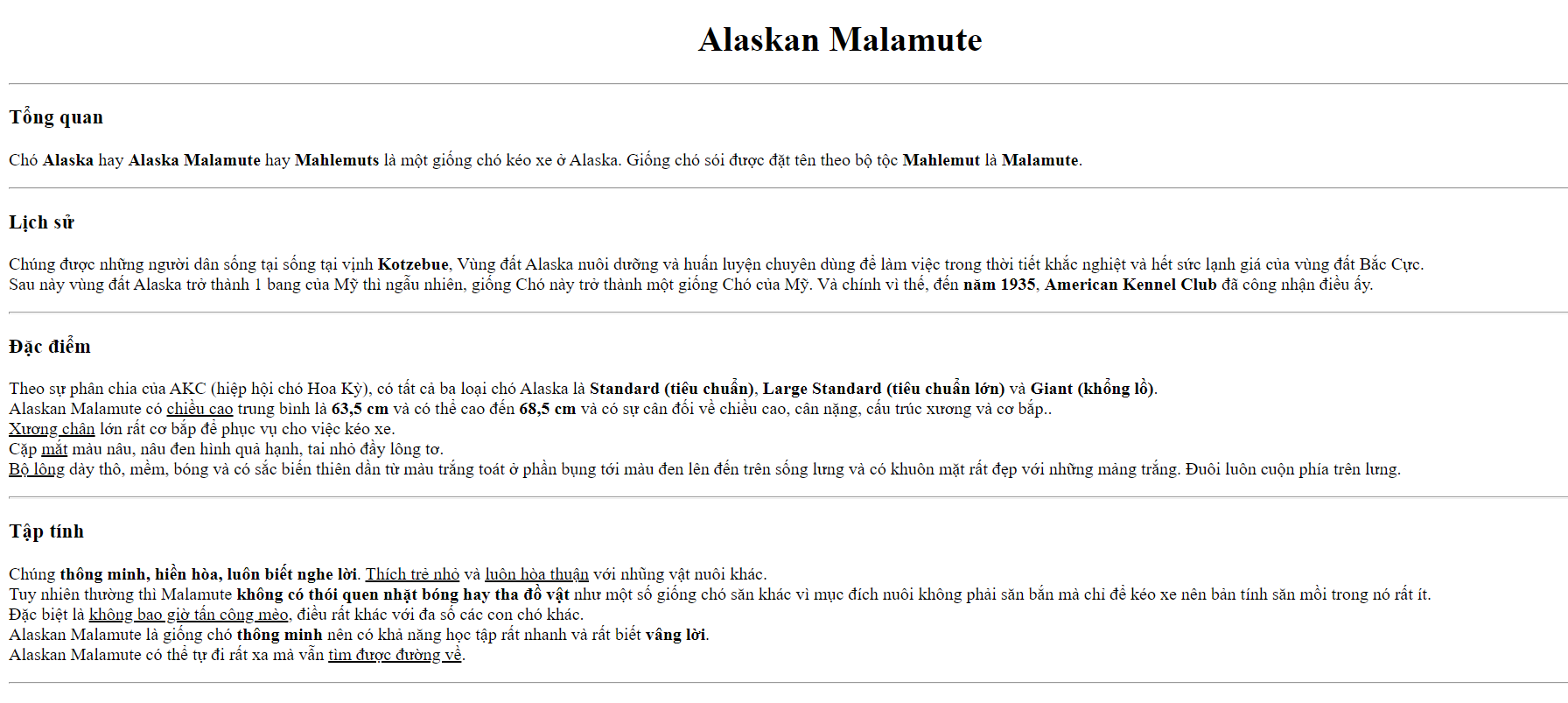
## </blockquote>

## 1.9. Exercises

**Ex1.**

- Tạo một trang HTML đơn giản như sau trang web này:

|  |
| --- |
| <!DOCTYPE html>  <html lang="en">  <head>  <meta charset="UTF-8">  <meta http-equiv="X-UA-Compatible" content="IE=edge">  <meta name="viewport" content="width=device-width, initial-scale=1.0">  <!-- <meta http-equiv="refresh" content="5" /> -->  <title>Alaskan Malamute</title>  </head>  <body>  <h1 style="text-align: center">Alaskan Malamute</h1>  <hr/>  <h3>Tổng quan</h3>  <p>  Chó <b>Alaska</b> hay <b>Alaska Malamute</b> hay <b>Mahlemuts</b> là một giống chó kéo xe ở Alaska. Giống chó sói được đặt tên theo bộ tộc <b>Mahlemut</b> là <b>Malamute</b>.  <br/>  </p>  <hr/>  <h3>Lịch sử</h3>  <p>  Chúng được những người dân sống tại sống tại vịnh <b>Kotzebue</b>, Vùng đất Alaska nuôi dưỡng và huấn luyện chuyên dùng để làm việc trong thời tiết khắc nghiệt và hết sức lạnh giá của vùng đất Bắc Cực.  <br/>  Sau này vùng đất Alaska trở thành 1 bang của Mỹ thì ngẫu nhiên, giống Chó này trở thành một giống Chó của Mỹ. Và chính vì thế, đến <b>năm 1935</b>, <b>American Kennel Club</b> đã công nhận điều ấy.  </p>  <hr/>  <h3>Đặc điểm</h3>  <p>  Theo sự phân chia của AKC (hiệp hội chó Hoa Kỳ), có tất cả ba loại chó Alaska là <b>Standard (tiêu chuẩn)</b>, <b>Large Standard (tiêu chuẩn lớn)</b> và <b>Giant (khổng lồ)</b>.  <br/>  Alaskan Malamute có <u>chiều cao</u> trung bình là <b>63,5 cm</b> và có thể cao đến <b>68,5 cm</b> và có sự cân đối về chiều cao, cân nặng, cấu trúc xương và cơ bắp.</b>.  <br/>  <u>Xương chân</u> lớn rất cơ bắp để phục vụ cho việc kéo xe.  <br/>  Cặp <u>mắt</u> màu nâu, nâu đen hình quả hạnh, tai nhỏ đầy lông tơ.  <br/>  <u>Bộ lông</u> dày thô, mềm, bóng và có sắc biến thiên dần từ màu trắng toát ở phần bụng tới màu đen lên đến trên sống lưng và có khuôn mặt rất đẹp với những mảng trắng. Đuôi luôn cuộn phía trên lưng.  </p>  <hr/>  <h3>Tập tính</h3>  <p>  Chúng <b>thông minh, hiền hòa, luôn biết nghe lời</b>. <u>Thích trẻ nhỏ</u> và <u>luôn hòa thuận</u> với nhũng vật nuôi khác.  <br/>  Tuy nhiên thường thì Malamute <b>không có thói quen nhặt bóng hay tha đồ vật</b> như một số giống chó săn khác vì mục đích nuôi không phải săn bắn mà chỉ để kéo xe nên bản tính săn mồi trong nó rất ít.  <br/>  Đặc biệt là <U>không bao giờ tấn công mèo</U>, điều rất khác với đa số các con chó khác.  <br/>  Alaskan Malamute là giống chó <b>thông minh</b> nên có khả năng học tập rất nhanh và rất biết <b>vâng lời</b>.  <br/>  Alaskan Malamute có thể tự đi rất xa mà vẫn <u>tìm được đường về</u>.  </p>  <hr/>  </body>  </html> |



**Ex2.**

- Create a simple HTML page as your personal webpage.

- Below are the suggested layout:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Personal Details | | Image |
| Education process |  | |
| Working process |  | |
| Society activities |  | |
| Skills |  | |
| Experiences |  | |
| Certifications |  | |
| Hobbies |  | |
| Desire |  | |

## Code:

|  |
| --- |
| <!DOCTYPE html>  <html lang="en">  <head>  <meta charset="UTF-8">  <meta http-equiv="X-UA-Compatible" content="IE=edge">  <meta name="viewport" content="width=device-width, initial-scale=1.0">  <!-- <meta http-equiv="refresh" content="3" /> -->  <title>Ex2\_Lab1</title>  </head>  <body>  <table border="1" cellpadding="0" cellspacing="0">  <tr>  <td colspan="2" style = "height: 100px; width: 400px; text-align: left; vertical-align: top;">  Personal Details  </td>  <td style = "height: 100px; width: 200px; text-align: center; vertical-align: top;" >  Image  <br/>  <img height="75" width="75" src="https://scontent.fhan5-7.fna.fbcdn.net/v/t1.0-9/10628444\_1001028759949306\_2642782693762607776\_n.jpg?\_nc\_cat=103&ccb=1-3&\_nc\_sid=09cbfe&\_nc\_ohc=VF0TeP6JKKoAX9oFQgC&\_nc\_ht=scontent.fhan5-7.fna&oh=b9e968dec619480a6567535c4fabbcee&oe=6072280B"/>  </td>  </tr>  <tr>  <td style="width: 150px;"> Education process</td>  <td colspan="2">  Student at Ha Noi University of Science and Technology  </td>  </tr>  <tr>  <td style="width: 150px;"> Working process</td>  <td colspan="2"> Intern at Viettel Group</td>  </tr>  <tr>  <td style="width: 150px;"> Society activities</td>  <td colspan="2"> Hackathon</td>  </tr>  <tr>  <td style="width: 150px;"> Skills</td>  <td colspan="2"> Qwerty</td>  </tr>  <tr>  <td style="width: 150px;"> Certifications</td>  <td colspan="2"> 9.0 Ielts</td>  </tr>  <tr>  <td style="width: 150px;"> Hobbies</td>  <td colspan="2"> Play sports likes Football, Swimming,...</td>  </tr>  <tr>  <td style="width: 150px;"> Desire</td>  <td colspan="2"> AI researcher at Google</td>  </tr>  </table>  </body>  </html> |

